TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2020/DS-ST
Ngày: 21 - 7 - 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tư

Bà Dương Thị Phụng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thủy Tiên - Kiểm sát viên

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2020/TLST-DS ngày 22/4/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương A, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà B, ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Mạnh K, sinh năm 1962. Nơi cư trú: số nhà B, đường T, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Xuân P, sinh năm 1988 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: số nhà H, đường Đ, Phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

Nơi cư trú: số nhà B1, đường P, Phường B2, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Phương A trình bày:

Ngày 10/5/2018, bà A cho ông Trần Xuân P vay số tiền 100.000.000đ, thời hạn vay 04 tháng từ ngày 10/5/2018 đến ngày 10/9/2018, không thỏa thuận

lãi suất. Ông P viết Giấy mượn tiền đề ngày 10/5/2018 và ký tên, ghi họ tên vào. Hết thời hạn 04 tháng, ông P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền. Bà A khởi kiện yêu cầu ông P trả bà A nợ gốc 100.000.000đ, nợ lãi chậm trả với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 11/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2020, ông Trần Xuân P trình bày:

Tờ Giấy mượn tiền đề ngày 10/5/2018 đúng chữ viết, chữ ký tên, chữ ghi họ và tên của ông P viết, ký ra với số tiền vay 100.000.000đ, thời hạn vay 04 tháng từ ngày 10/5/2018 đến ngày 10/9/2018, không thế chấp tài sản, giấy tờ, lãi suất thỏa thuận bằng lời nói 5%/tháng. Theo yêu cầu khởi kiện của bà A, ông P đồng ý trả bà A số tiền vay 100.000.000đ với hình thức trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả từ 500.000đ - 700.000đ cho đến khi hết nợ, đề nghị bà A miễn tiền lãi vì hoàn cảnh kinh tế của ông P khó khăn, không khả năng trả thêm tiền lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, không ai giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A. Buộc ông P trả bà A số tiền vay gốc 100.000.000đ và tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 11/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm. Buộc ông P nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền buộc trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà A khởi kiện ông P tranh chấp hợp đồng vay tài sản vì cho rằng có quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm là có quyền khởi kiện. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Hợp đồng vay tài sản số tiền vay 100.000.000đ vào ngày 10/5/2018 giữa ông P với bà A là sự thật, được ông P thừa nhận và đồng ý trả bằng hình thức trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả từ 500.000đ - 700.000đ cho đến khi hết nợ. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà A không đồng ý cho bị đơn trả dần. Xét thấy, việc thỏa thuận trả dần chỉ được Hội đồng xét xử công nhận nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau. Trong vụ án này, người đại diện của nguyên đơn không đồng ý bị đơn trả tiền bằng hình thức trả dần nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông P trả bà A số tiền vay gốc 100.000.000đ.

[3] Ông P trình bày có trả tiền lãi của số tiền vay 100.000.000đ nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Nguyên đơn không thừa nhận đã nhận tiền lãi từ ông P trả nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của ông P về việc có trả tiền lãi.

Bà A yêu cầu ông P trả bà A tiền lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả từ ngày 11/9/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn 22 tháng là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Ông P phải trả bà A tiền lãi như sau: 100.000.000đ x 0,83% x 22 tháng = 18.260.000đ. Tổng cộng tiền nợ gốc và lãi mà ông P phải trả bà A là 118.260.000đ.

[4] Án phí: Buộc ông P nộp 5.913.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 186 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương A.

Buộc ông Trần Xuân P trả bà Nguyễn Thị Phương A tổng cộng số tiền gốc và lãi 118.260.000đ (một trăm mười tám triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng), trong đó: nợ gốc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), nợ lãi 18.260.000đ (mười tám triệu hai trăm sáu mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Án phí: Buộc ông Trần Xuân P nộp 5.913.000đ (năm triệu chín trăm mười ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Phương A số tiền tạm ứng án phí 2.873.000đ (hai triệu tám trăm bảy mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số No 0005310 ngày 01/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân